

Số: 45 /2024/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 12 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn Bắc Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo;

Căn cứ Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ cận nghèo;

Căn cứ Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg ngày 15/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 125/TTr-STC ngày 13/12/2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn Bắc Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh.

1. Sửa đổi Điều 4 như sau:

**“Điều 4. Lập dự toán và quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hằng năm bố trí, bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác**

1. *Lập dự toán*

a) *Nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội*

- Hằng năm, căn cứ chương trình, kế hoạch, mục tiêu gắn với các đối tượng được vay vốn của địa phương và quyết định giao chỉ tiêu của ban đại diện, Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh rà soát, báo cáo tình hình thực tế cho vay 06 tháng đầu năm và dự kiến cả năm, số vốn thu hồi dự kiến trong năm tiếp theo, đề xuất nguồn vốn cần bổ sung năm tiếp theo/giai đoạn tiếp theo (chi tiết theo từng đối tượng tại Điều 5, Quy chế này) gửi Sở Tài chính.

- Trên cơ sở báo cáo tình hình thực tế cho vay trong năm, số vốn thu hồi dự kiến trong năm tiếp theo, đề xuất nguồn vốn cần bổ sung năm tiếp theo/giai đoạn tiếp theo của Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, Sở Tài chính xem xét, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh cho vay theo quy định theo khả năng cân đối ngân sách và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong năm tiếp theo và trong giai đoạn cụ thể.

b) *Nguồn vốn ngân sách cấp huyện ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội*

Căn cứ chương trình, kế hoạch, mục tiêu gắn với các đối tượng được vay vốn của địa phương và quyết định giao chỉ tiêu của ban đại diện, nhu cầu vay vốn của các đối tượng thụ hưởng trên địa bàn, trên cơ sở kết quả thực tế thực hiện 6 tháng đầu năm, dự kiến kết quả thực hiện cả năm, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội cấp huyện đề xuất bổ sung nguồn vốn ủy thác năm tiếp theo/giai đoạn tiếp theo gửi Phòng Tài chính Kế hoạch.

Trên cơ sở báo cáo tình hình thực tế cho vay trong năm, số vốn thu hồi dự kiến trong năm tiếp theo, đề xuất bổ sung vốn ủy thác của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội cấp huyện, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương trong năm tiếp theo/trong giai đoạn tiếp theo, Phòng Tài chính Kế hoạch chủ trì, phối hợp đơn vị liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp

quyết định bổ sung vốn ủy thác qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội cấp huyện cho vay tại địa phương.

## 2. Chuyển nguồn vốn bổ sung nguồn vốn cho vay

Căn cứ nguồn vốn ngân sách bổ sung hằng năm, Quyết định giao chỉ tiêu vốn cho các địa phương, kế hoạch giải ngân vốn cho vay trong năm của Ban đại diện hội đồng quản trị Ngân hàng chính sách xã hội phê duyệt, Ngân hàng chính sách xã hội có văn bản đề nghị cơ quan Tài chính cùng cấp chuyển nguồn vốn bổ sung nguồn vốn cho vay. Cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện rà soát, kiểm tra và chuyển tiền bằng hình thức lệnh chi tiền và hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.”

## 2. Sửa đổi Điều 5 như sau:

### “Điều 5. Đối tượng cho vay:

1. Hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác tương ứng với từng chương trình tín dụng theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được vay từ nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương qua Ngân hàng chính sách xã hội.

2. Các đối tượng chính sách khác (ngoài đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này) do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (nếu có).”

## 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay; mức cho vay; thời gian cho vay; lãi suất cho vay; quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay (nếu có):

### 1. Mục đích sử dụng vốn vay:

Mục đích sử dụng vốn vay thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội đối với từng chương trình cho vay, đối tượng cho vay cụ thể.

### 2. Mức cho vay:

a) Mức cho vay tối đa đối với từng đối tượng tương ứng với từng chương trình tín dụng cụ thể thực hiện theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ hoặc Hội đồng quản trị Ngân hàng chính sách xã hội.

b) Mức cho vay tối đa đối với các đối tượng do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mở rộng: Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở các quy định hiện hành của Ngân hàng chính sách xã hội và phù hợp với thực tế tại địa phương sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt đối tượng cụ thể.

### 3. Thời hạn cho vay:

a) Thời hạn cho vay tối đa áp dụng theo quy định hiện hành của từng đối tượng cho vay, từng chương trình cho vay cụ thể trên cơ sở hướng dẫn của Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội.



b) Thời hạn cho vay đối với các đối tượng do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mở rộng: Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở các quy định hiện hành của Ngân hàng chính sách xã hội và phù hợp với thực tế tại địa phương sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt đối tượng cụ thể.

#### 4. Lãi suất cho vay

a) Đối với hộ nghèo: lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay chương trình cho vay hộ nghèo tại Ngân hàng chính sách xã hội theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định.

b) Đối với các đối tượng chính sách khác: Lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay tại Ngân hàng chính sách xã hội theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định tương ứng với từng chương trình tín dụng cụ thể.

c) Đối với các đối tượng do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mở rộng: Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở các quy định hiện hành của Ngân hàng chính sách xã hội và phù hợp với thực tế tại địa phương sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt đối tượng cụ thể.

5. Quy trình, thủ tục cho vay, định kỳ trả nợ gốc, trả lãi, bảo đảm tiền vay (nếu có):

Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, các Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội cấp huyện thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng chính sách xã hội.”

#### 4. Sửa đổi điểm b, điểm c khoản 1 Điều 8 như sau:

“b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội cấp tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội cấp huyện theo dư nợ cho vay bình quân. Năm 2025, mức phí quản lý bằng 120% mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho Ngân hàng chính sách xã hội. Từ năm 2026, mức phí quản lý bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho Ngân hàng chính sách xã hội trong từng thời kỳ.

c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng chính sách xã hội các cấp. Mức trích 7% số tiền lãi thu được.

Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh căn cứ số kinh phí được trích lập, xây dựng kế hoạch sử dụng hàng năm theo các nội dung chi được quy định tại khoản 3 điều này trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị phê duyệt để triển khai thực hiện. Số còn lại nếu không sử dụng hết được bổ sung vào nguồn vốn cho vay các đối tượng theo quy định.”

#### 5. Sửa đổi khoản 1 Điều 12 như sau:

“1. Cơ quan tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân cùng cấp bố trí nguồn vốn từ ngân sách ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội, đảm bảo chuyển vốn đầy đủ, kịp thời cho Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay các đối tượng và thực hiện kiểm tra kết quả sử dụng nguồn vốn ủy thác tại Ngân hàng chính sách xã hội.

b) Phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội đối với trường hợp quy mô của đợt xóa nợ vượt quá số dư quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác địa phương.”

6. Sửa đổi, bổ sung điều 13 như sau:


**“Điều 13. Quy định chuyển tiếp**

1. Số kinh phí trích cho các Sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội nhận ủy thác từ ngân sách địa phương còn dư các năm trước đến thời điểm Quyết định sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn nghiệp vụ của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam trích dẫn tại quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.”

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2025.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Lao động Thương binh và Xã hội; Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Kho bạc Nhà nước tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận: 

- Như Điều 2;
- Bộ Tài chính (b/c);
- Cục Kiểm tra VBQPPL Bộ Tư pháp;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh;
- Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Hội Cựu Chiến binh tỉnh; Tỉnh Đoàn;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



  
Ngô Tân Phương